TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 53/2020/HSST
Ngày 30 tháng 7 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông TRẦN VĂN THẠCH.

2/ Bà LÊ NGỌC TRẦM.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà LÊ THỊ HOÀNG YẾN - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông HỒ CHÍ DŨNG - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN TẤN P**, sinh ngày 24/5/1980 tại tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Số nhà 12, Tổ 15, ấp Trường P, xã Trường Đ, thị xã H, tỉnh N; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; giới tính: nam, con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1953 (chết) và bà Võ Thị A, sinh năm 1954; vợ Nguyễn Thị Thi, sinh năm 1982 và 01 người con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982 - (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Trường P, xã Trường Đ, thị xã H, tỉnh N.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1966 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Trường P, xã Trường Đ, thị xã H, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/3/2020, do bị Nguyễn Văn T đòi nợ số tiền 500.000 đồng, nên sau khi uống rượu Nguyễn Tấn P điều khiển xe mô tô biển số 70G1-237.07 đến trước nhà T thuộc ấp Trường P, xã Trường Đ, thị xã H, tỉnh N cự cải với T vì cho rằng mình đã trả nợ xong, hai bên dẫn đến gây gỗ đánh nhau, T dùng tay đánh một cái vào mặt của P, thấy chảy máu nên T không đánh nữa. Do tức giận, P đi bộ đến tiệm tạp hóa của ông Trần Văn H, sinh năm 1966, ngụ ấp Trường P, xã Trường Đ, thị xã H, tỉnh N gần nhà T, lấy một con dao dài 44cm cán bằng gỗ dài 14cm, lưỡi bằng kim loại dài 30cm, bản dao rộng 06cm quay lại nhà T thấy T đang đóng cổng, P cầm dao bằng tay trái chém 02 cái, T đưa tay pH đang cầm điện thoại di động lên đỡ thì bị P chém trúng bàn tay pH gây thương tích. Sau đó P và T tiếp tục vật lộn, giằng co thì được mọi người đến can ngăn, T được gia đình đưa đến bệnh viện Lê Ngọc Tùng, thành phố N điều trị đến ngày 18/3/2020.

Ngày 10/4/2020, anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Tấn P.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 74/2020/TgT ngày 27/4/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh N kết luận: Mỏm cụt mất 02 đốt ngón II bàn tay pH; gãy đốt gần ngón III bàn tay pH. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn T do thương tích gây nên hiện tại là 12%.

Tại phiên tòa, anh T yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích, tài sản bị thiệt hại, tiền mất thu nhập tổng cộng 30.000.000 đồng, anh T đã nhận 21.682.000 đồng, còn pH bồi thường thêm 8.318.000 đồng và yêu cầu xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng ý bồi thường cho anh T thêm số tiền 8.318.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 57/CT-VKSHT ngày 25 tháng 6 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh N đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn P về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh N trong phần tranh luận đã giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Tấn P về tội: *"Cố ý gây thương tích"*, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P mức án từ 02 năm đến 03 năm tù.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 của Bộ luật dân sự cần buộc bị cáo pH bồi thường số tiền còn lại là 8.318.000 đồng.

** Lời nói sau cùng:* Bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ việc anh T đòi P số tiền nợ 500.000 đồng, P cho rằng mình đã trả xong nên hai bên xảy ra tranh chấp. Sau khi uống rượu, P đến nhà T nói chuyện dẫn đến cự cãi và đánh nhau, T dùng tay đánh một cái vào mặt P làm P bị chảy máu. Do tức giận nên P đi bộ đến nhà của ông H ở gần đó lấy 01 con dao dài 44cm chém anh T gây thương tích tỷ lệ 12%.

[3] Bị cáo Nguyễn Tấn P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà dẫn đến đánh nhau và bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm chém anh T gây tỷ lệ thương tích là 12%. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H truy tố bị cáo Nguyễn Tấn P về tội: "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự xã hội tại địa phương, bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn phạm tội. Vì vậy, cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, đã khắc phục một phần thiệt hại cho người bị hại là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa anh T yêu cầu bị cáo bồi thường tiền chi phí điều trị thương tích, tiền sửa điện thoại di động và mất thu nhập tổng cộng 30.000.000 đồng, bị cáo đồng ý và đã bồi thường 21.682.000 đồng, nên cần buộc bị cáo bồi thường thêm số tiền còn lại là 8.318.000 đồng.

* Xử lý vật chứng: 01 con dao dài 44cm là công cụ phạm tội, không có giá trị, ông H không yêu cầu được nhận lại, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn P phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 589, 590 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền còn lại là 8.318.000 đồng (tám triệu ba trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn pH trả cho anh T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 44cm, cán bằng gỗ dài 14cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 30cm, bản dao nơi rộng nhất 06cm, mũi dao bằng, đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Tấn P pH chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 416.000 đồng (bốn trăm mười sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo và người bị hại biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh N để xét xử Pc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn H vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND Huyện H;
- Công an Huyện H;
- Chi cục THA DS Huyện H;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).